

Vật Liệu Cho Ngành Công Nghiệp Đường Sắt

TriboTex 3, TriboTex 7 và TriboTemp 20

ACM composite bearings đã và đang phát triển, sản xuất và cung cấp bạc composite có tính kỹ thuật cao cho ngành Đường sắt trong nhiều năm.

Phạm vi vật liệu của ACM composite bearings hiện cung cấp cho kỹ sư thiết kế sự lựa chọn về các đặc tính vật liệu khác nhau để phù hợp với từng ứng dụng. Mỗi loại vật liệu có thể hoạt động trong điều kiện khô, bôi trơn bằng mỡ hoặc dầu và cải thiện hiệu suất so với các bạc trục phi kim loại hiện có.

Những vật liệu này đã được phát triển đặc biệt để đáp ứng nhu cầu của các ứng dụng đòi hỏi khả năng chịu tải cao, ít mài mòn, ma sát thấp và tuổi thọ cao và do đó đã được chứng minh là lý tưởng cho ngành đường sắt. Tất cả các loại đều có sẵn ở dạng tấm, ống, đúc hoặc dưới dạng các thành phần được gia công hoàn chỉnh.

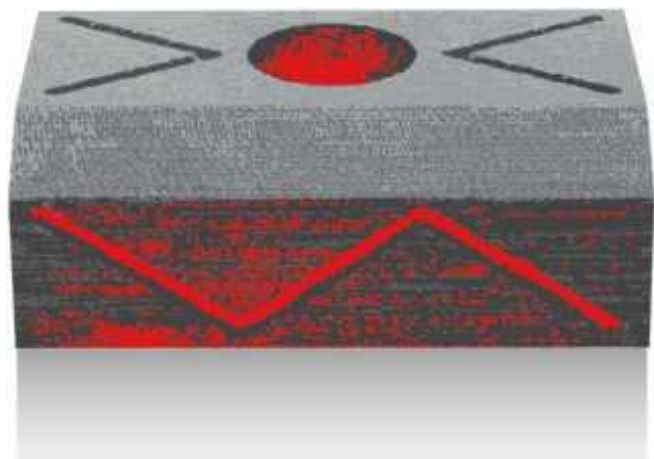
Là nhà cung cấp hàng đầu thế giới, ACM composite bearings cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp với sự hỗ trợ kỹ thuật từ đội ngũ kỹ sư ứng dụng / công nghệ giàu kinh nghiệm, bao gồm đề xuất thiết kế, đề xuất kỹ thuật và báo giá, đề xuất gia công và hỗ trợ lắp đặt bạc.

ƯU ĐIỂM VẬT LIỆU TRONG NGÀNH ĐƯỜNG SẮT

- ▲ Giá cả cạnh tranh
- ▲ Khả năng chịu tải cao
- ▲ Chịu va đập tốt
- ▲ Độ đàn hồi tốt
- ▲ Thời gian giao hàng nhanh (sửa chữa 48h)
- ▲ Bề mặt tiếp xúc thân thiện
- ▲ Khả năng chống ăn mòn tốt
- ▲ Tỷ lệ mài mòn thấp

ỨNG DỤNG

- ▲ Bạc chống lật
- ▲ Tấm lót chống ma sát
- ▲ Bạc chốt xoay
- ▲ Các tấm chịu mòn giảm chấn
- ▲ Tấm đệm trụ đỡ
- ▲ Các ống lót dạng khối
- ▲ Tấm đệm cầu dẫn
- ▲ Các tấm chịu chà xát
- ▲ Các khối chịu chà xát
- ▲ Tấm đệm chịu lực đẩy chống lật
- ▲ Các tấm chịu mài mòn
- ▲ Tấm chịu ma sát



acm COMPOSITE
BEARINGS

ACM Bearings office, No. 8/61 Nguyen Tuong Loan street, Nghia Xa Ward, Le Chan District, Hai Phong, Vietnam

Tel +84 (0) 973 082 586 – Email: sales@acmbearings.vn – Websites: www.acmbearings.vn

No representation is given as to the accuracy of the contents of this publication which are for general guidance only and should not be relied upon. Material characteristics are nominal and are not guaranteed minima. ©ACM Bearings Ltd. All propriety rights reserved.

Thông số kỹ thuật vật liệu / thiết kế

Đặc tính	Đơn vị	TriboTex 3	TriboTex 7	TriboTemp 20
Ứng suất nén (normal)	MPa	240	375	140
Modul nén (normal)	MPa	2,600	2,750	2,000
Ứng suất va đập (normal)	kJ/m ²	100	100	90
Tỉ trọng	g/cm ³	1.30	1.30	1.30
Độ cứng	Rockwell M	95	100	70
Hệ số ma sát (dry)	–	0.15	0.13	0.22
Nhiệt độ làm việc tối đa	°C	120	130	200
Nhiệt độ làm việc tối thiểu	°C	-40	-40	-40
Hệ thống giãn nở nhiệt (parallel)	/ °C	5×10^{-5}	5×10^{-5}	6×10^{-5}
Hệ số giãn nở nhiệt (normal)	/ °C	10×10^{-5}	10×10^{-5}	12×10^{-5}
Sự trương nở trong nước	%	1.0	< 0.15	< 0.20

(nominal values)

